

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: 24/2023/HS-ST
Ngày 24/8/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Ông Trần Ngọc Anh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:*
Bà Phan Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Trung T, sinh năm: 1981 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn X, xã D, huyện V, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Trung T1, sinh năm 1951 và bà Phạm Thị T2, sinh năm 1954; Bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn, có 04 con sinh năm 2008, 2014, 2016, 2022; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị Thùy A (*Tên gọi khác: Mèo*), sinh năm: 1987 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn P, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 8/12; con ông Lê Văn A1, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị A2, sinh năm 1964;

Chồng: Nguyễn Hữu A3, sinh năm 1985; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 26/3/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên tuyên phạt 03 tháng tù về tội Đánh bạc (chấp hành xong ngày 05/8/2021). Nhân thân: Ngày 29/5/2020 bị Công an xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000đ về hành vi đánh bạc (chấp hành xong ngày 29/5/2020). Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thành L (*Tên gọi khác: Tí Đào*), sinh năm: 1987 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn H, huyện D, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Minh L1, sinh năm 1963 và bà Hà Thị Thanh L3 (chết); vợ Trần Thị Hồng L2, sinh năm 1990, có 02 con sinh năm 2008 và năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 29/01/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm tù giam về tội Gây rối trật tự công cộng; Ngày 14/4/2010, bị Công an thị trấn H, huyện D xử phạt vi phạm hành chính số tiền 200.000 đồng về hành vi Gây rối trật tự công cộng (đã chấp hành xong); Ngày 07/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong ngày 12/9/2012). Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Hồng H (*Tên gọi khác: Hòa*), sinh năm: 1973 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 06/12; con ông Nguyễn Hồng H1, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1946; vợ Nguyễn Thị Trúc H3, sinh năm 1974 và có 03 con, sinh năm 1996, năm 1999 và năm 2007; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 14/4/1997, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Phú Yên xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Lương Văn P, sinh năm: 1974 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 8/12; Không rõ cha và bà Lương Thị L1, sinh năm 1946; vợ Võ Thị Hồng L2, sinh năm 1973 và 01 con, sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Phạm Thị Nguyệt N (*Tên gọi khác: Ba Kiếm*), sinh năm: 1956 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 9/12; con ông Phạm N1 (chết) và bà Nguyễn Thị N2 (chết); bị cáo có

chồng nhưng đã ly hôn, có 03 con sinh năm 1976, 1978 và năm 1988; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 10/11/2020 bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tuyên phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc (chấp hành xong ngày 09/9/2021). Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Trịnh Thị X, sinh năm: 1954 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Trịnh X1 (chết) và bà Huỳnh Thị X2 (chết); Chồng: Phạm Văn X3, sinh năm 1967, có 03 con sinh năm 1986, 1991 và năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/6/2021 bị Công an xã X, huyện D xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc trái phép (đã chấp hành xong). Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm: 1968 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn B1 (chết) và Đặng Thị Sáu (chết); Chồng: Lê Văn B2 (chết), có 03 con sinh năm 1990, 1994 và năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/5/2020 bị Công an xã X, huyện D xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc trái phép (đã chấp hành xong). Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

9. Võ Minh C, sinh năm: 1976 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 3/12; con ông Võ Xuân C1 (chết) và bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1957; vợ Lê Thị Phí C3, sinh năm 1980 và 02 con, sinh năm 1998 và năm 2002; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Thị D, sinh năm: 1963 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn D1 (chết) và bà Võ Thị D2 (chết); chồng Lê Minh D3 (chết), có 03 con sinh năm 1980, 1986 và năm 1988; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B (Do TTTGPL cử): Bà Nguyễn Thị Khánh Duy và bà Lê Thị Hồng Diễm – Trợ giúp viên pháp lý thuộc TTTGPL Nhà nước tỉnh Phú Yên. Bà Duy có mặt, bà Diễm vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NLQ - Sinh năm: 1996; Trú tại: Thôn T, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 31/7/2022, Phạm Trung T đến nhà Võ Minh C, trú tại thôn T, xã X, huyện D chơi và trả tiền công phụ xe cho C. Tại đây, T hỏi mượn nhà C để đánh bạc thắng thua bằng tiền với các đối tượng khác và sẽ góp trả tiền xâu cho C. C đồng ý và bố trí cho T với những người khác đánh bạc ở nhà bà Nguyễn Thị D (mẹ vợ của C). T gọi điện thoại cho Nguyễn Hồng H để rủ và nhờ gọi thêm người cùng đến nhà bà D đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài cào ba lá. H đồng ý và gọi điện rủ Nguyễn Thành L; thời điểm trên bà Nguyễn Thị Ngọc B và Lê Thị Thùy A đang ngồi nói chuyện gần đó nghe thông tin có đánh bạc nên đến nhà bà D để cùng tham gia đánh bạc.

Khi đến nhà bà D thì C bố trí một phòng ngủ, chuẩn bị một cái đĩa, một cái mền và mua năm bộ bài tây cho T, H, L, A và B đánh bạc. Cả nhóm thống nhất đánh bạc làm cái xoay vòng ba ván, mỗi người đặt cược từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng; mỗi lượt làm cái ai thắng liên tục ba ván thì góp tiền xâu 20.000 đồng, thắng hai ván thì góp tiền xâu 10.000 đồng cho C. Riêng C ngồi ngoài xem, không tham gia đặt tiền và thu tiền xâu từ các đối tượng thắng bạc góp. Đến khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, bà D đi chơi về nhà để ngủ thì gặp C nên C nói với bà D qua nhà C ngủ để cho C mượn nhà để đánh bạc có gì sáng mai C cho ít tiền để đi chợ. Nghe vậy nên bà D sang nhà C để ngủ. Sòng bạc diễn ra liên tục đến khoảng 08 giờ sáng ngày 01/8/2022 thì Phạm Thị Nguyệt N, Lương Văn P, Trịnh Thị X lần lượt đến sòng bạc để tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc T, H, P và L làm bốn tụ chính để đánh bạc làm cái xoay vòng còn A, B, X và N theo đặt cược ở những tụ chính. Mỗi bị cáo tham gia đặt cược mỗi ván từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng; tổng số tiền trên chiếu bạc khoảng từ 200.000 đồng đến 600.000 đồng. Việc đánh bạc diễn ra liên tục đến khoảng 10 giờ ngày 01/8/2022 thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 300.000 đồng và thu giữ trên người các đối tượng số tiền 67.799.000 đồng (trong đó số tiền sử dụng để đánh bạc là 18.280.000 đồng). Tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 18.580.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKS-ĐX ngày 11/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo Phạm Trung T, Lê Thị Thùy

A, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hồng H, Nguyễn Thị Ngọc B, Lương Văn P, Phạm Thị Nguyệt N, Trịnh Thị X, Võ Minh C và Nguyễn Thị D về tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đã nêu. Kết luận các bị cáo Phạm Trung T, Lê Thị Thùy A, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hồng H, Nguyễn Thị Ngọc B, Lương Văn P, Phạm Thị Nguyệt N, Trịnh Thị X, Võ Minh C và Nguyễn Thị D phạm tội “Đánh bạc”. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Phạm Trung T. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội: “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án và phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Lê Thị Thùy A và Phạm Thị Nguyệt N, riêng bị cáo A áp dụng thêm khoản 3 Điều 321 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo A, N mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội: “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, phạt bổ sung bị cáo A từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ, miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B, Trịnh Thị X. Đề nghị xử phạt bị cáo B, X mỗi bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng tù về tội: “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo B, X.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hồng H. Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội: “Đánh bạc”. Phạt bổ sung bị cáo L, H mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Lương Văn P, Võ Minh C. Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội: “Đánh bạc”. Phạt bổ sung bị cáo P, C mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Đồng Xuân nhận được quyết định thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 18.580.000đ (Mười tám triệu, năm trăm tám mươi ngàn đồng) các bị cáo dùng để đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy: Các vật chứng là công cụ phục vụ đánh bạc (chăn, đĩa sứ, hộp giấy, ghế nhựa, bóng đèn, lá bài).

- Trả lại tiền, điện thoại di động, xe máy cho các bị cáo, người có quyền lợi liên quan không dùng vào việc đánh bạc, phục vụ đánh bạc.

* Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phạm Trung T, Lê Thị Thùy A, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hồng H, Lương Văn P, Phạm Thị Nguyệt N, Trịnh Thị X, Võ Minh C và Nguyễn Thị D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B: Thống nhất về mặt tội danh cũng như về điều luật, các tình tiết giảm nhẹ TNHS như Kiểm sát viên đã nêu. Tuy nhiên, bị cáo đang bị bệnh mãn tính, thường xuyên phải đi khám bệnh, bị cáo dùng số tiền nhỏ để đánh bạc, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Trung T, Lê Thị Thùy A, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hồng H, Nguyễn Thị Ngọc B, Lương Văn P, Phạm Thị Nguyệt N, Trịnh Thị X, Võ Minh C và Nguyễn Thị D khai nhận phù hợp với nội dung bản Cáo trạng. Các bị cáo khai: Vì ham vui nên tổ chức xóc đĩa, các bị cáo không phải dân đồ đen, sát phạt nhau, xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai đúng như Cáo trạng đã mô tả, không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 31/7/2022 đến 10 giờ ngày 01/8/2022 tại thôn T, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên, Võ Minh C đã có hành vi mượn nhà bà Nguyễn Thị D và được bà D đồng ý, sau đó chuẩn bị địa điểm, dụng cụ cho Phạm Trung T, Lê Thị Thùy A, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hồng H, Nguyễn Thị Ngọc B, Phạm Thị Nguyệt N, Lương Văn P, Trịnh Thị X đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài cào ba lá. Quá trình đánh bạc C thu tiền xâu số tiền 650.000 đồng, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 18.580.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo Phạm Trung T, Lê Thị Thùy A, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hồng H, Lương Văn P, Nguyễn Thị Ngọc B, Phạm Thị Nguyệt N, Trịnh Thị X, Võ Minh C và Nguyễn Thị D đã cấu thành tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Do đó, Cáo trạng số: 24/CT-VKS-ĐX ngày 11/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo Phạm Trung T, Lê Thị Thùy A, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hồng H, Lương Văn P, Nguyễn Thị Ngọc B, Phạm Thị Nguyệt N, Trịnh Thị X, Võ Minh C và Nguyễn Thị D về tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh của xã hội ở cộng đồng dân cư và dễ dẫn đến làm phát sinh những tiêu cực khác, nên cần xử phạt mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đây là vụ án

đồng phạm giản đơn, nên khi lượng hình cần xem xét đến vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo, để quyết định hình phạt phù hợp.

[3.1] Đối với bị cáo Phạm Trung T: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nhưng bị cáo vẫn tham gia; trong vụ án này, bị cáo là người khởi xướng, hời mượn nhà của bị cáo C để đánh bạc và hứa trả tiền xâu cho C, tính chất nguy hiểm của hành vi của bị cáo nguy hiểm hơn các bị cáo khác trong cùng vụ án. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên chỉ cần xử phạt bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt, để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng pháp luật Nhà nước ta mà an tâm cải tạo, sớm về đoàn tụ với gia đình như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3.2] Đối với bị cáo Lê Thị Thùy A, Phạm Thị Nguyệt N: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo đã tham gia đánh bạc, các bị cáo đang có tiền án về tội đánh bạc mà tái phạm, nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với các bị cáo. Do đó, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và cả những bị cáo khác, ăn năn hối cải; số tiền dùng đánh bạc của các bị cáo không lớn, tính chất sát phạt không cao, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo, chỉ cần xử phạt các bị cáo bằng mức khởi điểm của khung hình phạt, để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng pháp luật Nhà nước ta mà an tâm cải tạo, sớm về đoàn tụ với gia đình.

[3.3] Đối với bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hồng H: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng tham gia đánh bạc, các bị cáo có nhân thân xấu. Do đó, cần xử phạt các bị cáo một hình phạt tù nghiêm khắc nhằm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của

mình và của các bị cáo khác; ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo L có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn thị trấn H; Bị cáo H có cậu ruột được Nhà nước tặng thưởng kỷ niệm chương. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, Không có tình tiết tăng nặng TNHS, có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định, nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà cho các bị cáo được hưởng chính sách pháp luật hình sự quy định tại Điều 65 BLHS cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[3.4] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B, Trịnh Thị X: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo đã tham gia đánh bạc, các bị cáo từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, cùng tính chất với lần phạm tội này. Do đó, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và cả những bị cáo khác, ăn năn hối cải; số tiền dùng đánh bạc của các bị cáo không lớn, tính chất sát phạt không cao, nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51, 54 BLHS cho các bị cáo, để xét xử các bị cáo mức án dưới mức thấp của khung hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, đồng thời không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo B được hưởng án treo.

[3.5] Đối với bị cáo Lương Văn P và Võ Minh C: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn tham gia đánh bạc, trong đó số tiền bị cáo P dùng vào mục đích đánh bạc với số tiền lớn hơn các bị cáo khác; bị cáo C sử dụng nhà mẹ vợ của mình và chuẩn bị dụng cụ để các bị cáo khác đánh bạc và thu lợi bất chính. Hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm khắc nhằm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng và việc làm ổn định, nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mà cho các bị cáo được hưởng chính sách pháp

luật hình sự quy định tại Điều 65 BLHS cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm, để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng pháp luật Nhà nước ta, mà an tâm cải tạo, trở thành công dân có ích cho xã hội như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[3.6] Đối với bị cáo Nguyễn Thị D: Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng khi nghe bị cáo C hỏi mượn nhà để cho người khác đánh bạc và hứa hẹn sẽ cho tiền thì bị cáo D đồng ý. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội đánh bạc với vai trò giúp sức, tạo điều kiện cho các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc, nên cần phải xử lý nghiêm. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm, thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng; mặc khác bị cáo cũng chưa thu lợi được gì từ sòng bạc, nên không cần thiết xử phạt hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo, phù hợp với chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta cũng như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[3.7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Phạm Trung T, Lê Thị Thùy A, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hồng H, Lương Văn P, Võ Minh C đều không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B thuộc diện hộ cận nghèo, các bị cáo Phạm Thị Nguyệt N, Trịnh Thị X, Nguyễn Thị D là người cao tuổi, không có việc làm ổn định nên xét miễn hình phạt bổ sung, riêng bị cáo D còn được miễn khấu trừ thu nhập.

[4] *Về vật chứng vụ án:*

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 67.799.000 đồng (theo ủy nhiệm chi số 04 lập ngày 21/3/2023), trong đó thu giữ trên chiếu bạc 300.000đ, thu giữ trên người các đối tượng đánh bạc được xác định sử dụng vào việc đánh bạc 18.280.000đ, đây là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền còn lại 49.219.000đ không có căn cứ chứng minh là sẽ dùng vào mục đích đánh bạc, nên xét trả lại cho chủ sở hữu.

- Điện thoại di động hiệu Samsung của bị cáo T, điện thoại di động hiệu Nokia của bị cáo H, đây là điện thoại các bị cáo dùng để gọi điện thoại rủ đánh bạc nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) tấm chăn vải; 01 (một) đĩa sứ màu trắng bạc; 03 (ba) hộp giấy màu xanh dương; 01 (một) hộp giấy màu trắng; 01 (một) ghế nhựa màu xanh dương; 01 (một) bóng đèn led; 52 (năm mươi hai) lá bài tây là các công cụ, phương tiện phục vụ việc đánh bạc, xét thấy không có giá trị, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với xe mô tô của bị cáo L, H, C và các điện thoại di động của các bị cáo L, P, A, N, B xét thấy không phải là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội hoặc có liên quan đến hoạt động phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Trung T, Lê Thị Thùy A, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hồng H, Lương Văn P, Nguyễn Thị Ngọc B, Phạm Thị Nguyệt N, Trịnh Thị X, Võ Minh C và Nguyễn Thị D phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Phạm Trung T. Xử phạt bị cáo Phạm Trung T 09 (*chín*) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án và phạt bổ sung bị cáo T 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Lê Thị Thùy A và Phạm Thị Nguyệt N, riêng bị cáo A áp dụng thêm khoản 3 Điều 321. Xử phạt các bị cáo Lê Thị Thùy A, Phạm Thị Nguyệt N mỗi bị cáo 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo A 10.000.000đ (*mười triệu đồng*), miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B, Trịnh Thị X. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B, Trịnh Thị X mỗi bị cáo 03 (*ba*) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo B, X.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hồng H. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hồng H mỗi bị cáo 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho

hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung bị cáo L, H mỗi bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Lương Văn P, Võ Minh C. Xử phạt các bị cáo Lương Văn P, Võ Minh C mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung bị cáo P, C mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Giao bị cáo Nguyễn Thành L cho UBND thị trấn H, bị cáo Nguyễn Hồng H, Lương Văn P, Võ Minh C cho UBND xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục các bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Thị D. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên nhận được quyết định thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo D.

Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho UBND xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã X trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ của người bị kết cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

* Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2, 3 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tấm chăn vải; 01 (một) đĩa sứ màu trắng bạc; 03 (ba) hộp giấy màu xanh dương; 01 (một) hộp giấy màu trắng; 01 (một) ghế nhựa màu xanh dương; 01 (một) bóng đèn led; 52 (năm mươi hai) lá bài tây.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 18.580.000đ (*mười tám triệu, năm trăm tám mươi ngàn đồng*). 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Samsung của bị cáo T, 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia của bị cáo H.

- Trả lại tiền, điện thoại di động, xe mô tô cho các bị cáo và người liên quan, cụ thể:

+ Trả cho bị cáo Nguyễn Thành L: Số tiền 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*); 02 (*hai*) điện thoại di động và 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn cam - đen.

+ Trả cho bị cáo Nguyễn Hồng H: Số tiền 26.050.000đ (*hai mươi sáu triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng*); 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ - đen.

+ Trả cho bị cáo Võ Minh C: Số tiền 1.669.000đ (*một triệu, sáu trăm sáu mươi chín ngàn đồng*); 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu kiểu dáng Dream.

+ Trả cho bị cáo Lương Văn P: 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia.

+ Trả cho bị cáo Lê Thị Thùy A: 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Sam sung.

(Tạm giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự huyện D số vật chứng, đồ vật nêu trên để đảm bảo việc thi hành án dân sự).

+ Trả cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B: Số tiền 2.850.000đ (*hai triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng*); 01 (*một*) điện thoại di động hiệu OPPO.

+ Trả cho bị cáo Trịnh Thị X: Số tiền 1.700.000đ (*một triệu, bảy trăm ngàn đồng*).

+ Trả cho người có quyền lợi liên quan NLQ: Số tiền 1.950.000đ (*một triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng*).

(Số tiền theo ủy nhiệm chi số 04, lập ngày 21/3/2023 do Cơ quan Công an huyện Đồng Xuân nộp vào tài khoản của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân; các vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/3/2023 giữa Cơ quan Công an huyện Đồng Xuân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân).

* *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phạm Trung T, Lê Thị Thùy A, Nguyễn

Thành L, Nguyễn Hồng H, Lương Văn P, Phạm Thị Nguyệt N, Trịnh Thị X, Võ Minh C và Nguyễn Thị D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm; Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B.

** Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- Công an huyện Đồng Xuân;
- CC THADS huyện Đồng Xuân;
- Những người tham gia tố tụng;

Trần Vĩnh Long